

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

102930
1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Để biết các cụm từ R đầy đủ ở phần này, xem phần 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

H302 Có hại nếu nuốt phải.
H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

P302 + P352 **NẾU TIẾP XÚC LÊN DA:** Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 **NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT:** Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ.

P302 + P352 **NẾU TIẾP XÚC LÊN DA:** Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

Số CAS 95-50-1

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Công thức 1,2-(Cl)₂C₆H₄ C₆H₄Cl₂ (Hill)
Số EC 202-425-9
Khối lượng mol 147 g/mol

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại

1,2-Dichlorobenzene (<= 100 %)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

95-50-1 *)

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H302
Kích ứng da, Nhóm 2, H315
Kích ứng mắt, Nhóm 2, H319
Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, H335
Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400
Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Thành phần nguy hiểm (1999/45/EC)

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Phân loại

1,2-Dichlorobenzene (<= 100 %)

95-50-1 Xn, Có hại; R22
Xi, Chất gây kích ứng; R36/37/38
N, Nguy hiểm tới môi trường; R50-53
Xi, Chất gây kích ứng; R43

Để biết các cụm từ R đầy đủ ở phần này, xem phần 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Tham vấn bác sĩ.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa.

Sau khi nuốt vào: cẩn thận nếu nạn nhân nôn ra. Rùi ro hít vào! Giữ lỗ thông gió thông thoáng. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

các ảnh hưởng gây kích ứng, Ho, Khó thở, Chóng mặt, mê man, Đau đầu, Các phản ứng dị ứng, Rối loạn CNS

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Natri sulfat (1 thìa/1/4 l nước).

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Nước, Bọt, Carbon đioxit (CO₂), Bột khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp dễ cháy

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

Khí hydro chloride

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Di chuyển bình chữa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol.

Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ Chemisorb®). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Đề xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Các yêu cầu đối với khu vực lưu trữ và thiết bị chứa

Không sử dụng thùng chứa bằng kim loại nhẹ.

Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Để tại nơi thông gió tốt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

1,2-Dichlorobenzene (95-50-1)

VN OEL	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):	50 mg/m ³
	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):	20 mg/m ³

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Viton (R)
Độ dày của găng:	0,70 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,40 mm
Thời gian thấm:	> 30 min

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 890 Vitoject® (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 730 Camatril® -Velours (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc A (theo DIN 3181) cho hơi của các hợp chất hữu cơ

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu màu vàng nhạt
Mùi đặc trưng	đặc tính
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	Không có thông tin.
Điểm nóng chảy	-17 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	180 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	66 °C Phương pháp: DIN 51758
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	2,2 %(V)
Giới hạn trên của cháy nổ	12 %(V)
Áp suất hóa hơi	1,33 hPa ở 20 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Tỷ trọng hơi tương đối	5,1
Mật độ	1,31 g/cm ³ ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	0,13 g/l ở 20 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 3,43 (25 °C) Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 123 Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
Độ nhớt, động lực	1,32 mPa.s ở 20 °C
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy 640 °C

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.
Khoảng từ 15 độ Kelvin dưới điểm chớp được xếp hạng là nguy hiểm.

10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:

Các chất oxy hóa mạnh, Các kim loại kiềm, Các kim loại đất kiềm

Nhôm, Các kim loại nhẹ, khi có mặt của:

Nước, Axit

10.4 Các điều kiện cần tránh

Nhiệt độ cao.

10.5 Các vật liệu xung khắc

Nhôm, cao su, đồ nhựa khác nhau

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 Chuột: 500 mg/kg

(RTECS)

Triệu chứng: Kích thích màng nhầy trong miệng, họng, thực quản và khoang dạ dày., Rủi ro hít vào khi nôn ra., Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi.

hấp thụ

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: Kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở, Hư hỏng có thể., hư hỏng khoang hô hấp

Độc tính cấp qua da

LD50 Thỏ: > 10.000 mg/kg

(RTECS)

hấp thụ

Kích ứng da

Thỏ

Kết quả: Kích ứng

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Gây kích ứng da.

Phơi nhiễm nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây kích ứng da và viêm da do đặc tính tẩy nhờn của sản phẩm.

Kích ứng mắt

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Nhạy cảm

Kiểm tra cảm giác: Chuột nhắt

Kết quả: Dương tính

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429

Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể

Thử nghiệm nhân con trên cơ thể sống (In vivo micronucleus test)

Chuột nhắt

con đực

Bơm vào trong màng bụng

Tủy xương

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 474

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

Xét nghiệm Ames

E.coli/Salmonella typhimurium

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Các cơ quan đích: Hệ hô hấp

Có thể gây kích ứng hô hấp.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Lượng độc lặp lại

Chuột

Đực và cái

Đường miệng

90 d

Mỗi ngày

NOAEL: 25 mg/kg

LOAEL: 100 mg/kg

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 408

Độc tính gần mãn tính

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Sau khi hấp thụ lượng lớn:

Rối loạn CNS, rối loạn tâm thần, Đau đầu, Chóng mặt, mê man

Sau khi tiếp xúc lâu với hóa chất:

Độc hại ảnh hưởng:

Gan, Thận

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

Thử nghiệm chảy LC50 *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng): 1,52 mg/l; 96 h

Giám sát phân tích: có

US-EPA

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

Thử nghiệm tñnh EC50 *Ceriodaphnia dubia* (bọ chết nước): 0,66 mg/l; 48 h

Giám sát phân tích: có

US-EPA

Độc đối với tảo

Tỷ lệ tăng trưởng EC50 *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục): 2,2 mg/l; 96 h

Giám sát phân tích: có

US-EPA

Độc tính đối với vi khuẩn

EC5 *Pseudomonas putida* (Vi khuẩn *Pseudomonas putida*): 15 mg/l; 16 h

IUCLID) (nồng độ chất độc tối đa được phép)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)

Thử nghiệm bán tñnh NOEC *Daphnia magna* (Bọ nước): 0,37 mg/l; 14 d

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 211

12.2 Tính bền vững và phân hủy

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

102930
1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Tính phân hủy sinh học

0 %; 28 d; hiếu khí Nhu cầu oxy sinh hóa
OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301C
Không dễ phân huỷ sinh học.

58 %; 20 d
Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 301D
Không dễ phân huỷ sinh học.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước
log Pow: 3,43 (25 °C)
Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 123

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Phân bố trong các môi trường khác nhau
Hấp thụ/Đất
log Koc: 2,58
(thử nghiệm)

Biến đổi vừa phải trong đất (Lít)

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Hằng số Henry
194 Pa*m³/mol
Phương pháp: (thử nghiệm)
Thường phát tán trong không khí. (Lít)

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vớt bỏ theo Thông tư 2008/98/EC về rác thải cũng như các quy định khác của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 1591
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	O-DICHLOROBENZENE
14.3 Hạng	6.1
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 1591
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	O-DICHLOROBENZENE
14.3 Hạng	6.1
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN	UN 1591
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	O-DICHLOROBENZENE
14.3 Hạng	6.1
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
EmS	F-A S-A

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không liên quan

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 6.1C

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H302	Có hại nếu nuốt phải.
H315	Gây kích ứng da.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.
H400	Rất độc đối với thủy sinh vật.
H410	Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Nguyên văn của các thuật ngữ-R đề cập trong phần 2 và 3

R22	Có hại nếu nuốt phải.
R36/37/38	Gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.
R43	Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
R50	Rất độc đối với thủy sinh vật.
R50/53	Rất độc đối với thủy sinh vật, có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài trong môi trường thủy sinh.
R53	Có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài trong môi trường thủy sinh.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

H227 Chất lỏng dễ cháy.
H302 Có hại nếu nuốt phải.
H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 102930
Tên sản phẩm 1,2-Dichlorobenzene for extraction analysis EMSURE®

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ.



Biện pháp ứng phó

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.



P313 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Dán nhãn (67/548/EEC hoặc 1999/45/EC)

(Các) Biểu tượng	 Xn	Có hại
(Các) Thuật ngữ Rủi ro	 N	Nguy hiểm tới môi trường
(Các) Thuật ngữ An toàn	22-36/37/38-43-50/53	Có hại nếu nuốt phải. Gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Rất độc đối với thủy sinh vật, có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài trong môi trường thủy sinh.
(Các) Thuật ngữ An toàn	23-24-37-60-61	Không được hít hơi. Tránh tiếp xúc với da. Mang găng tay thích hợp. Nguyên liệu cùng với thùng chứa phải được thải bỏ như chất thải nguy hại. Tránh giải phóng ra môi trường. Tham khảo các hướng dẫn đặc biệt/Các bảng dữ liệu an toàn.

Số EC 202-425-9

Ghi nhãn bị giảm (≤125 ml)

(Các) Biểu tượng	 Xn	Có hại
(Các) Thuật ngữ Rủi ro	 N	Nguy hiểm tới môi trường
(Các) Thuật ngữ An toàn	22-43	Có hại nếu nuốt phải. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
(Các) Thuật ngữ An toàn	24-37	Tránh tiếp xúc với da. Mang găng tay thích hợp.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.